TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 160/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 06-9-2019
"V/v Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Thanh Giảng

2. Bà Nguyễn Thị Thanh Hồng

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Nhi là Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 87/2019/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2019 về việc: "Tranh chấp xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng L, sinh năm 1978. Có mặt

Địa chỉ: Ấp Q, thị trấn T, huyện T, thành phố Cần Thơ

Bị đơn: Anh Lê Văn T, sinh năm 1982**.** Có đơn xin xét xử vắng mặt

Địa chỉ: Ấp T, xã K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị B. Có đơn xin xét xử vắng mặt

Địa chỉ: Ấp T, xã Kiên B, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng L trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lê Văn T có sự mai mối nên tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn ngày 28/4/2017 tại Ủy ban nhân dân xã (UBND) B, huyện K, tỉnh Kiên Giang. Sống chung được 02 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, anh T có

hành vi bạo lực gia đình với chị nên cuộc sống không có hạnh phúc cho nên chị về nhà cha mẹ ruột sống từ tháng 6/2017 cho đến nay. Xét thấy tình cảm không thể hàn gắn được nên chị yêu cầu ly hôn anh Lê Văn T.

Về con chung: Không có con chung.

Về Tài sản chung: Không có

Về nợ chung: Không có. Về số nợ 50.000.000 đồng của chị Lê Thị B chị hoàn toàn không biết, chị L không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của anh T.

Bị đơn anh Lê Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Hồng L có đăng ký kết hôn tại UBND xã B và được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Còn về nguyên nhân mâu thuẫn là do có mâu thuẫn với chị L, trong lúc nóng giận có đánh chị L một bạt tay, sau đó cha của chị L mắng anh và đuổi anh đi, vợ chồng đã ly thân trên 01 năm. Tại Biên bản hòa giải ngày 24/4/2019 anh T không đồng ý ly hôn nhưng trong quá trình giải quyết tại Biên bản lấy lời khai ngày 16/8/2019 anh T đồng ý ly hôn chị L do vợ chồng ly thân đã lâu và gia đình bên vợ đối xử không tốt với anh.

Về con: Không có con chung

Về Tài sản: Không có

Về nợ chung: Tại Biên bản hòa giải ngày 24/4/2019 anh T khai có nợ của chị ruột là Lê Thị B, địa chỉ: Tổ 4, ấp T, xã B, huyện K, tỉnh Kiên Giang số tiền 50.000.000 đồng là tiền vay để chuộc vàng cưới và yêu cầu chị L phải cùng anh chia đôi nợ trả cho chị B. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án anh T khai nhận đã trả cho chị B xong và cũng không yêu cầu chị L trả tiền nợ lại cho anh.

Ngày 16/8/2019 anh Lê Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị B trình bày: Chị có cho anh T vay số tiền 50.000.000 đồng nhưng do chị L từ chối trách nhiệm, nghĩ tình nghĩa chị em nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Ngày 16/8/2019 chị Lê Thị B có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nhìn chung đúng trình tự theo quy định. Về ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là quan hệ tranh chấp xin ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Anh Lê Văn T là bị đơn, chị Lê Thị B là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan quá trình Tòa án thụ lý giải quyết, anh T, chị B xin được vắng mặt tất cả các phiên họp kiểm tra việc giao nộp và tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T và chị B.

[3] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng L và anh Lê Văn T là vợ chồng, có đăng ký kết hôn, quá trình chung sống có phát sinh nhiều mâu thuẫn. Cụ thể chị L cho rằng anh T có hành vi bạo lực với chị còn anh T trình bày gia đình bên vợ đối xử không tốt với anh, vợ chồng ly thân đã lâu không còn tình cảm. Xét thấy vợ chồng chị L, anh T không còn yêu thương chăm sóc nhau, không tin tưởng lẫn nhau dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn được. Quá trình giải quyết vụ án thể hiện chị L kiên quyết muốn ly hôn và anh T cũng đồng ý nên áp dụng Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 công nhận thuận tình ly hôn cho các đương sự.

[4] Về con chung: Không có.

[5] Về tài sản chung: Không có.

[6] Nợ chung: Bà Lê Thị B không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này nên không xem xét.

[7] Xét quan điểm và đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[8] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, chị L yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí và được khấu trừ vào án phí tạm nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0007827 ngày 29/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiên Lương.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng: Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào các Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

+ Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Hồng L và anh Lê Văn T.

+ Về con chung: Không có.

+ Về tài sản chung: Không có.

+ Nợ chung: Bà Lê Thị B không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

2. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, chị L yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí và được khấu trừ vào án phí tạm nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0007827 ngày 29/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiên Lương. (Đã thực hiện xong)

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (06/9/2019). Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án này hoặc bản án này được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Đương sự;
- Lưu tập án, Hồ sơ;
- Lưu VP./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Diễm